

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41 /2017/HS-ST
Ngày 15-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Khắc Long;

Ông Trương Ngọc Lễ;

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Vụ – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2017/TLST – HS ngày 02-10-2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-HS ngày 30-11-2017 đối với các bị cáo:

1.Đỗ Xuân Đ; Tên gọi khác: Danh M; Sinh năm 1976 tại Thái Bình. Nơi ĐKHHTT: Thôn Trình Nhất T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: 131 đường H, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân H và bà Trần Thị Kh; Có vợ (đã ly hôn năm 2012) và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; Tiền sự: Không; Tiền án: 04: Tại bản án số 03/2008/HSST ngày 08/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; Bản án số 15/2008/HSST ngày 17/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gia Lai xử phạt 16 tháng tù về tội “trốn khỏi nơi giam, giữ”; Bản án số 12/2011/HSST ngày 19/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 30 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; Bản án số 03/2014/HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân

huyện M, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Về nhân thân: Năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù giam, tính đến ngày phạm tội tiếp theo đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 14/6/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. **Mai Ngọc V**; Tên gọi khác: Không ; Sinh ngày 15/6/1987 tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKHHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Tiến D và bà Nguyễn Thị Tr; Có vợ và 01 con sinh năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng; Tiếp đến năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 45 tháng 01 ngày đều về tội “trộm cắp tài sản”; Tính đến ngày phạm tội tiếp theo đã được xóa án tích đối với hai lần phạm tội này. Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 16/6/2017 đến ngày 10/8/2017 được tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

+/ Chị Phan Thị H ; Sinh năm 1984; Trú tại: Tổ dân phố S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

+/ Anh Nguyễn Thanh Ch, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1982; Cùng trú tại: Khối B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+/ Ông Đặng Văn Ph; Sinh năm 1960; Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

+/ Anh Đoàn Hữu Tr; Sinh năm 1974; Trú tại: 33 đường Tr, tổ N, phường D, thành phố Kon Tum; Vắng mặt.

+/ Anh Trần Bá L; Sinh năm 1986; Trú tại: Khối phố B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

+/ Chị Nguyễn Thị Trúc V; Sinh năm 1989; Trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

- Những người làm chứng: Chị Phan Thị L; Bà Võ Thị Hồng Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 04 giờ sáng ngày 06/6/2017, V điều khiển xe mô tô BKS 82B1-149.91 chở Đ mang theo 01 cây xà beng nhỏ đỉnh, 01 kìm cộng lực loại nhỏ, 01 búa đóng đinh đứng trong ba lô, đi từ thành phố K lên huyện N, đến huyện N thì khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày. Cả hai đi trên đường Tr, tới đoạn đường trước cổng Bệnh viện đa khoa khu vực N, phát hiện nhà chị Phan Thị H đã khóa cửa, không có ai trông coi, xung quanh lại vắng vẻ nên Đ bảo V dừng xe và đứng ngoài cảnh giới, còn Đ tìm cách đột nhập vào bên trong nhà. Đ cầm các dụng cụ đã mang theo đi đến cửa sổ thứ ba bên hông phòng khách tháo kính, cạy khung sắt, rồi chui vào trong nhà. Đ quan sát thấy có nhiều bức tượng bằng gỗ nên gọi V vào phụ khiêng ra ngoài. Đ và V lần lượt khiêng bức tượng tứ linh (Long –Ly-Quy-Phụng và 03 bức tượng ông Tam Đa. Đ để cho V đem đi cất giấu, vì đang là ban ngày nếu chở sợ lộ; V đã đem đi cất giấu 01 bức tượng ông Tam Đa ở bụi cỏ gần cầu M. Các bức tượng còn lại cất giấu trong ngôi nhà hoang, gần nhà chị H. Với ý định sẽ chở những tài sản này vào buổi tối. Trong lúc V đem các bức tượng đi cất giấu thì Đ tiếp tục lục soát tài sản trong nhà để lấy tiếp; Đ đã dùng xà beng cạnh bung khóa hộc tủ của bàn làm việc, lấy được 01 chiếc máy tính hiệu Toshiba, sau đó cả hai chở nhau về phòng trọ của Đ ở thành phố K. Tại đây Đ và V đã thỏa thuận, Đ giao chiếc máy tính cho V sử dụng, V đưa lại cho Đ 1.500.000đ (*một triệu năm trăm ngàn đồng*). Sau này V bán chiếc máy tính này cho anh Đoàn Hữu Tr được 1.200.000đ (*một triệu hai trăm ngàn đồng*). Khoảng 04 giờ chiều cùng ngày V đã đi xe mô tô lên cầu M chở bức tượng ông Tam Đa giấu trong bụi cỏ mang về huyện H, đem gửi cất ở nhà anh Đặng Văn Ph.

Tại bản kết luận định giá số 148/KLHĐ và định giá bổ sung số 148a/KLHĐ cùng ngày 15/6/2017 của Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản: 03 bức tượng gỗ ông Tam Đa (gỗ hương) có giá 30.000.000đ; 01 bức tượng gỗ hình tứ linh Long – Ly – Quy – Phụng (gỗ cẩm) giá 15.000.000đ; 01 máy tính xách tay 4.800.000đ. Tổng cộng 49.800.000đ (*Bốn mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng*).

Vụ thứ hai:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04/6/2017. Đ rủ V Tiếp tục đi lấy trộm tài sản, V đồng ý. Đến khoảng 03 giờ 30 phút sáng ngày 05/6/2017 V dùng xe mô tô BKS 82B1-149.91 chở Đ mang theo 01 cây xà beng nhỏ đỉnh đi về hướng huyện Đ. Cả hai đi đường H, đoạn qua khối M thị trấn T phát hiện cửa hàng bán nội thất K của vợ chồng anh Nguyễn Thanh Ch và chị Nguyễn Thị Kim Th khóa cửa ngoài, xung

quanh vắng người qua lại. Đ nói V dừng xe đứng ngoài cảnh giới còn Đ mang theo cây xà beng cạy bung khóa cửa vào bên trong nhà. Khoảng 10 phút sau V vào bên trong nhà cùng khiêng lấy 01 chiếc tủ lạnh hiệu AQUA màu đen, kiểu máy AQR-1227 BN(DC) và 01 máy lọc nước nóng lạnh nhãn hiệu DOMIRA, màu xanh-đen trắng, model RF 86. Những tài sản lấy được Đ đã để cho V chở đi gửi nhờ ở nhà anh Trần Bá L ở huyện H.

Tại bản kết luận định giá số 16/KL-ĐGTS ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản: Chiếc tủ lạnh hiệu AQUA giá 6.000.000đ; Máy lọc nước nóng lạnh nhãn hiệu DOMIRA giá 5.500.000đ. Tổng cộng 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Vụ trộm cắp ở huyện Đ đã được chuyển về cho cơ quan Điều tra Công an huyện N giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 33/KSĐT-TA ngày 29 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Đỗ Xuân Đ về tội: “trộm cắp tài sản” theo các điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Mai Ngọc V về tội: “trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138, các điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Đỗ Xuân Đ từ 30 tháng đến 36 tháng tù; Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, các điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Mai Ngọc V từ 12 tháng đến 18 tháng tù; Về xử lý vật chứng: Trả lại chiếc xe mô tô V đã dùng làm phương tiện phạm tội cho chị Nguyễn Thị Trúc V; Tịch thu tiêu hủy một số công cụ phạm tội đã thu giữ còn lại. Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Xuân Đ, Mai Ngọc V thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Viện kiểm sát truy tố.

-Những người bị hại là chị Phan Thị H; Anh Nguyễn Thanh Ch và chị Nguyễn Thị Kim Th đều đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất. Không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Chị Phan Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho Mai Ngọc V với lý do thấy Mai Ngọc V đã ăn năn hối lỗi.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Ph cho bị cáo V gửi nhờ bức tượng gỗ ông Tam Đa; Anh Trần Bá L cho V gửi nhờ chiếc tủ lạnh và máy lọc nước; Anh Đoàn Hữu Tr mua chiếc máy tính xách tay; Đều có ý kiến trình bày không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có.

- Chị Nguyễn Thị Trúc V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị giao xe nhưng không biết bị cáo V đã dùng chiếc xe mô tô của chị làm phương tiện phạm tội, đây là chiếc xe được mẹ chị cho tiền mua, xe có nguồn gốc hợp pháp, chị xin được nhận lại chiếc xe này.

-Những người làm chứng: Chị Phan Thị L khai trực tiếp nhìn thấy các bị cáo ôm tài sản từ nhà chị H ra. Bà Võ Thị Hồng Nh khai thấy chị Trúc V khó khăn không có phương tiện đi lại, mà chồng thì lại nghiện nên không dám cho chung, chỉ cho riêng chị tiền để mua xe.

-Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+/Bị cáo Đỗ Xuân Đ: Đã biết tội gây ra, rất hối hận, xin lỗi những người bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo con còn đang đi học mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo về nuôi con và hứa không phạm tội nữa.

+/Bị cáo Mai Ngọc V: Vì nghiện ma túy mà bị cáo đã phạm tội; Bị cáo rất hối hận về việc làm vi phạm của mình. Bị cáo đã đến Trung tâm điều trị nghiện chất của Sở y tế K điều trị cai nghiện, để sửa chữa bản thân. Xin lỗi những người bị hại. Xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình bị cáo và của bản thân bị cáo bị nạn đã mù một mắt, người đau yếu phải đi bệnh viện luôn mà khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin hứa sẽ không phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đỗ Xuân Đ và Mai Ngọc V đều là những đối tượng nghiện ma túy. Vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cho cá nhân nên đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông nom tài sản, các bị cáo đã có hành vi lén lút đột nhập vào cửa hàng nội thất của gia đình anh Nguyễn Thanh Ch vào lúc dạng sáng ngày 05/6/2017, lấy đi chiếc tủ lạnh hiệu AQUA và chiếc máy lọc nước nhãn hiệu DOMIRA. Tổng giá trị tài sản lấy tại nhà anh Chín là 11.500.000đ (*mười một triệu năm trăm ngàn đồng*). Cũng với hành vi này các bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà chị Phan Thị H vào khoảng 7 giờ 30 phút sáng ngày 06/6/2017, lấy đi 04 tượng gỗ và 01 máy tính sách tay, tổng giá trị tài sản lấy tại nhà chị Hà là 49.800.000đ (*bốn mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng*).

[3] Như vậy có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện ở hành vi lén lút, bí mật đột nhập vào nơi để tài sản và lấy tài sản, tổng giá trị cho hai lần lấy tài sản là 61.300.000đ (*Sáu mươi một triệu ba trăm ngàn đồng*). Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm là đúng người, đúng tội.

[4] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Ph và anh Trần Bá L cho bị cáo Viên gửi nhờ tài sản; Anh Đoàn Hữu Tr mua chiếc máy tính của V, những người này đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tính chất đồng phạm giữa hai bị cáo: Trong cả hai vụ trộm cắp trên thì Đỗ Xuân Đ đóng vai trò chính, có tính nguy hiểm hơn, mặc dù sự đồng phạm giữa Đ và V chỉ mang tính giản đơn. Đ là người khởi xướng và là người trực tiếp lấy tài sản. V tham gia với vai trò giúp sức đứng canh giới bên ngoài và hỗ trợ Đ khi khiêng tài sản, chuyển tài sản đi cất giấu nơi khác. Trước khi thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản này Đ đã bị bốn tiền án. Vì vậy ngoài việc xét xử Đ và V về điểm e “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” thì Đ còn bị xét xử thêm điểm c “tái phạm nguy hiểm” theo khoản 2 Điều 138 của

Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy Đ phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn đối với V.

[6] Hành vi của các bị cáo so với điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phạm vào các điểm c, g (đối với Đ), điểm c (đối với V) theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù tương đương quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Thấy điều luật mới không có lợi hơn cho các bị cáo nên áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt các bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo: Các bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*”. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử, các bị cáo luôn “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; Các tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi, trả đầy đủ cho những người bị hại, tuy các bị cáo phạm tội nhưng “gây thiệt hại không lớn”. Riêng đối với bị cáo V được hưởng thêm các tình tiết: Trả cho anh Đoàn Hữu Tr 1.200.000đ (*một triệu hai trăm ngàn đồng*), thể hiện “*bồi thường thiệt hại*”; V đã nhận rõ tội lỗi của mình là do nghiện ma túy nên đã đến trung tâm y tế để cai nghiện mong muốn sửa chữa bản thân, xin lỗi những người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy Đ và V phải chịu một tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48; Đ được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g,p khoản 1 Điều 46; V được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, g, p khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Sau khi xem xét hoàn cảnh nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự để xử phạt mức khung hình phạt liên kề nhẹ hơn của điều luật cho bị cáo V, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng đối với người biết ăn năn hối cải, sửa chữa bản thân mà cải tạo cho tốt. Xét thấy trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân không tốt, đặc biệt là đối với bị cáo Đỗ Xuân Đ đã 05 lần bị kết án, trong đó một lần được xóa án tích, còn lại 04 tiền án. Cần phải xử nghiêm khắc đối với bị cáo Đ để bị cáo thấy được mức độ hành vi nguy hiểm của mình gây ra, đã làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà răn đe, tu sửa bản thân.

[8] Về xử lý vật chứng: Chị Nguyễn Thị Trúc V đã mua chiếc xe mô tô Sirius, BKS 82B1 -149.91 của chị Phan Thị O, mặc dù chưa sang tên đổi chủ. Xe thể hiện có nguồn gốc rõ ràng, chiếc xe này là tài sản của chị Trúc V. Bị cáo V mượn đi và đã dùng làm phương tiện phạm tội, chị Trúc V không biết. Nên trả lại xe cùng giấy đăng ký xe cho chị Trúc V. Tịch thu, tiêu hủy 01 búa đóng đinh, 01

kìm cộng lực, 01 xà beng, 01 ba lô mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, vì những vật chứng này không có giá trị. Buộc bị cáo Đ phải nộp lại số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) mà Đ có được trong việc thỏa thuận với V bán chiếc máy tính, để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Việc xử lý vật chứng ở trên căn cứ theo khoản 1, các điểm b,c, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì; Nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 các điểm b, c, đ khoản 2 Điều 76, khoản 1, khoản 2 Điều 99, các Điều 199, 224, 231 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Đỗ Xuân Đ;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Các điểm b,g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Mai Ngọc V;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân Đ; Mai Ngọc V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt Đỗ Xuân Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (14/6/2017).

Xử phạt Mai Ngọc V 12 (mười hai) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành hình phạt tù. Mai Ngọc V được khấu trừ thời gian đã tạm giam 01 (một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày; Thời gian tù còn lại 10 (mười) tháng 06 (sáu) ngày tù.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc V 01 xe mô tô BKS 82B1 -149.91 và giấy đăng ký xe mang tên Phan Thị O; Đồng thời tịch thu tiêu hủy 01 búa đóng đinh, 01 kìm cộng lực, 01 xà beng, 01 ba lô theo biên bản giao

nhận vật chứng ngày 02 /10 /2017 giữa cơ quan Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum. Buộc Đỗ Xuân Đ nộp lại số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

-Về án phí: Buộc Đỗ Xuân Đ, Mai Ngọc V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

-Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Anh Trần Bá L, chị Nguyễn Thị Trúc V có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-12-2017). Chị Phan Thị H, anh Nguyễn Thanh Ch và chị Nguyễn Thị Kim Th có quyền kháng cáo bản án, ông Đặng Văn Ph, anh Đoàn Hữu Tr có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N đối với chị H; Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ đối với anh Ch và chị Th; Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H đối với anh Ph; Ủy ban nhân dân phường D, thành phố K đối với anh Tr.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Những người bị hại;
- Những người liên quan
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo